

CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI CHO REDD+ CẤP TỈNH (RESI)

Tỉnh	
Người thực hiện	

I. Thông tin chung

Nội dung	Thông tin	Năm	Nguồn
Tỉnh			
Dân số			
GDP			
GDP bình quân đầu người			
Trình độ học vấn			
Tỷ lệ đói nghèo			

II. Các nguồn tài liệu – báo cáo chính

Tên tài liệu	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành

Kết quả tham vấn các bên liên quan cấp tỉnh, huyện và xã

Cơ quan tham vấn	Thời gian

**CÁC TIÊU CHÍ CỦA CHỈ SỐ
REDD+ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI CẤP TỈNH**

Phần 1: Khung chính sách – pháp luật hỗ trợ thực hiện REDD+ tại địa phương

1.a – Chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh																																											
1.a.01 – Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (đã được phê duyệt) đặt ra yêu cầu như thế nào đối với diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh?																																											
<ul style="list-style-type: none"> a. Tăng thêm diện tích b. Duy trì ổn định diện tích c. Giảm diện tích d. Không có thông tin e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 																																											
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																										
Diễn giải																																											
1.a.02. Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 của tỉnh (đã được phê duyệt) có những mục đích nhiệm vụ cụ thể nào?																																											
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, nói đến trực tiếp b. Có, nói gián tiếp c. Không rõ ràng, khó xác định d. Không nói đến e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 																																											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #cccccc;">Mục tiêu</th> <th style="background-color: #cccccc;">a</th> <th style="background-color: #cccccc;">b</th> <th style="background-color: #cccccc;">c</th> <th style="background-color: #cccccc;">d</th> <th style="background-color: #cccccc;">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>1a.02.01. Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật BVPT, làm mất rừng và suy thoái rừng</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>1a.02.02. Phát triển rừng và nâng cao độ che phủ rừng</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>1a.02.03. Tạo thêm việc làm từ lâm nghiệp</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>1a.02.04. Góp phần xóa đói/giảm nghèo</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>1a.02.05. Nâng cao thu nhập từ nghề rừng</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>1a.02.06. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng theo luật pháp/chính sách hiện hành</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Mục tiêu	a	b	c	d	e	<i>1a.02.01. Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật BVPT, làm mất rừng và suy thoái rừng</i>						<i>1a.02.02. Phát triển rừng và nâng cao độ che phủ rừng</i>						<i>1a.02.03. Tạo thêm việc làm từ lâm nghiệp</i>						<i>1a.02.04. Góp phần xóa đói/giảm nghèo</i>						<i>1a.02.05. Nâng cao thu nhập từ nghề rừng</i>						<i>1a.02.06. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng theo luật pháp/chính sách hiện hành</i>					
Mục tiêu	a	b	c	d	e																																						
<i>1a.02.01. Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật BVPT, làm mất rừng và suy thoái rừng</i>																																											
<i>1a.02.02. Phát triển rừng và nâng cao độ che phủ rừng</i>																																											
<i>1a.02.03. Tạo thêm việc làm từ lâm nghiệp</i>																																											
<i>1a.02.04. Góp phần xóa đói/giảm nghèo</i>																																											
<i>1a.02.05. Nâng cao thu nhập từ nghề rừng</i>																																											
<i>1a.02.06. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng theo luật pháp/chính sách hiện hành</i>																																											
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																										
Diễn giải																																											
1.a.03 – Tỉnh đã có kế hoạch hoặc chương trình tổng thể về giao đất – giao rừng (bao gồm cả giao khoán và cho thuê rừng) toàn tỉnh hay chưa?																																											
<ul style="list-style-type: none"> a. Có/đã phê duyệt b. Có thể ở trong các nội dung khác/kế hoạch đã cũ c. Đang xây dựng 																																											

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

d. Chưa/Không xây dựng	
e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận)	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>1a.03.01. Nếu có, đề nghị cho biết hình thức, diện tích và đối tượng được GD-GR cụ thể theo bảng dưới đây</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Giao quyền sử dụng/sổ đỏ b. Hợp đồng cho thuê rừng c. Hợp đồng giao khoán QL BVR d. Hình thức khác e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>1.a.03.02. Nếu có, đề nghị cho biết kế hoạch GD-GR đối với từng loại rừng</i>	
- na -	
<ul style="list-style-type: none"> a. Rừng đặc dụng b. Rừng phòng hộ c. Rừng sản xuất d. Không có thông tin e. Không thích hợp/khác (Đề nghị bình luận) 	
Diễn giải	
1a.04 – Tỉnh có đề án hoặc kế hoạch thực hiện thu hồi đất rừng các lâm trường quốc doanh (nay là công ty lâm nghiệp) và giao lại cho đối tượng khác quản lý và khai thác sử dụng hay không?	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, đã thực hiện b. Có, đang có kế hoạch thực hiện c. Có, đã thực hiện trước đây nhưng hiện tại chưa có kế hoạch mới d. Không thực hiện e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a – 100, b- 67, c-33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
1a.05 – Tỉnh đã có kế hoạch hoặc phương án đóng cửa rừng tự nhiên (do công ty lâm nghiệp đang quản lý) theo chủ trương chung của Chính phủ hay chưa?	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, mới phê duyệt b. Có, đang xây dựng c. Có, trước đây đã xây dựng nhưng chưa có kế hoạch mới d. Không xây dựng e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	

1a.05.01. Phương án quản lý của tỉnh đối với diện tích rừng tự nhiên thuộc diện “đóng cửa rừng” này là gì?																									
<ul style="list-style-type: none"> a. Chuyển thành rừng đặc dụng/rừng phòng hộ b. Chuyển đổi và giao lại cho các hộ gia đình/cộng đồng quản lý bảo vệ c. Tiếp tục để công ty lâm nghiệp quản lý, bảo vệ d. Chưa có phương án xử lý e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 																									
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																								
Diễn giải																									
1b – Lòng ghép và ưu tiên quản lý bảo vệ rừng và Biến đổi khí hậu trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh																									
1b.01 – Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 có đề ra mục tiêu cụ thể cho hoạt động lâm nghiệp không?																									
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, nói đến trực tiếp b. Có, nói đến một cách gián tiếp c. Không rõ ràng, khó xác định d. Không đề cập đến e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 																									
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr style="background-color: #cccccc;"> <th style="text-align: center;">Mục tiêu</th> <th style="text-align: center;">a</th> <th style="text-align: center;">b</th> <th style="text-align: center;">c</th> <th style="text-align: center;">d</th> <th style="text-align: center;">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>1b.01.01. Mục tiêu về khía cạnh môi trường</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>1b.01.02. Mục tiêu về khía cạnh kinh tế</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>1b.01.03. Mục tiêu về khía cạnh xã hội</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Mục tiêu	a	b	c	d	e	<i>1b.01.01. Mục tiêu về khía cạnh môi trường</i>						<i>1b.01.02. Mục tiêu về khía cạnh kinh tế</i>						<i>1b.01.03. Mục tiêu về khía cạnh xã hội</i>					
Mục tiêu	a	b	c	d	e																				
<i>1b.01.01. Mục tiêu về khía cạnh môi trường</i>																									
<i>1b.01.02. Mục tiêu về khía cạnh kinh tế</i>																									
<i>1b.01.03. Mục tiêu về khía cạnh xã hội</i>																									
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																								
Diễn giải																									
1b.02 – Kế hoạch hành động bảo vệ môi trường của tỉnh (đã được phê duyệt, nếu có)																									
<i>Nếu có, có bao hàm các mục tiêu nhiệm vụ lâm nghiệp dưới đây không?</i>																									

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

<p>a. Có, nói đến trực tiếp b. Có, nói đến một cách gián tiếp c. Không rõ ràng, khó xác định d. Không đề cập đến e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p> <p>Nếu có, có bao gồm các mục tiêu nhiệm vụ lâm nghiệp dưới đây không:</p>	
Mục tiêu	a b c d e
<i>1b.02.01. Ngăn chặn, giám phá rừng, mất rừng và suy thoái rừng</i>	
<i>1b.02.02. Bảo tồn và tăng cường trữ lượng carbon rừng</i>	
<i>1b.02.03. Quản lý bền vững tài nguyên rừng</i>	
<i>1b.02.04. Bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng</i>	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<p>1b.03 – Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh (đã được phê duyệt nếu có)</p>	
<p>a. Có, đã phê duyệt và thực hiện b. Có, trước đây đã xây dựng c. Có, đang xây dựng d. Không/chưa có e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p> <p>Nếu có, có</p> <p>a. Có, nói đến trực tiếp b. Có, nói đến một cách gián tiếp c. Không rõ ràng, khó xác định d. Không đề cập đến e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p>	
Mục tiêu	a b c d e
<i>1b.03.01. Có bao hàm các nội dung như giảm tác động của BĐKH đến tài nguyên rừng (gây mất rừng, hủy hoại rừng, tăng nguy cơ về tính dễ bị tổn thương đối với rừng...)</i>	
<i>1b.03.02. Có bao hàm nội dung giảm phát thải khí nhà kính gây BĐKH từ hoạt động lâm nghiệp (chống mất rừng, suy thoái rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng...)</i>	
<i>1b.03.03. Có bao hàm nội dung nâng cao khả năng thích ứng BĐKH qua hoạt động lâm nghiệp (tăng cường khả năng chống chịu của rừng và người dân vùng rừng...)</i>	

Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																																																
Diễn giải																																																																	
1b.04	– Ngoài KHHD về BVMT và BDKH, các mục tiêu, yêu cầu quản lý, bảo vệ rừng của tỉnh đã được lồng ghép vào chiến lược, kế hoạch hoặc chương trình phát triển của những ngành, nghề, lĩnh vực nào? Đề nghị cho biết cụ thể (ví dụ: xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, đào tạo nghề cho thanh niên...)				- na -																																																												
Diễn giải																																																																	
1b.05	– Theo quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh, những hoạt động đầu tư, phát triển kinh tế nào sẽ phải chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp của tỉnh đến năm 2015 và các năm tiếp theo?																																																																
	<p>a. Không bị chuyển đổi</p> <p>b. Có bị chuyển đổi, nhưng diện tích không lớn</p> <p>c. Có bị chuyển đổi, nhưng sau năm 2020</p> <p>d. Có bị chuyển đổi với diện tích lớn</p> <p>e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p>																																																																
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Dự án</th> <th>a</th> <th>b</th> <th>c</th> <th>d</th> <th>e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1b.05.01. Xây dựng thủy điện, đập thủy lợi</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.02. Khai thác khoáng sản</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.03. Mở rộng diện tích trồng cao su</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.04. Mở rộng diện tích trồng cà phê, chè</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.05. Mở rộng diện tích trồng sắn, mía</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.06. Cơ sở hạ tầng (đường giao thông...)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.07. Bố trí tái định cư/khu dân cư mới</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.08. Mở rộng đầm/hồ nuôi tôm, cá</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1b.05.09. Hoạt động dự án khác</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>					Dự án	a	b	c	d	e	1b.05.01. Xây dựng thủy điện, đập thủy lợi						1b.05.02. Khai thác khoáng sản						1b.05.03. Mở rộng diện tích trồng cao su						1b.05.04. Mở rộng diện tích trồng cà phê, chè						1b.05.05. Mở rộng diện tích trồng sắn, mía						1b.05.06. Cơ sở hạ tầng (đường giao thông...)						1b.05.07. Bố trí tái định cư/khu dân cư mới						1b.05.08. Mở rộng đầm/hồ nuôi tôm, cá						1b.05.09. Hoạt động dự án khác					
Dự án	a	b	c	d	e																																																												
1b.05.01. Xây dựng thủy điện, đập thủy lợi																																																																	
1b.05.02. Khai thác khoáng sản																																																																	
1b.05.03. Mở rộng diện tích trồng cao su																																																																	
1b.05.04. Mở rộng diện tích trồng cà phê, chè																																																																	
1b.05.05. Mở rộng diện tích trồng sắn, mía																																																																	
1b.05.06. Cơ sở hạ tầng (đường giao thông...)																																																																	
1b.05.07. Bố trí tái định cư/khu dân cư mới																																																																	
1b.05.08. Mở rộng đầm/hồ nuôi tôm, cá																																																																	
1b.05.09. Hoạt động dự án khác																																																																	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c-33, d-0, e- không tính điểm																																																																
Diễn giải																																																																	
1c – Chính sách tài chính cho hoạt động lâm nghiệp tỉnh																																																																	
1c. 01	– Hiệu quả sử dụng kinh phí từ các nguồn tài chính nhằm phục vụ hoạt động lâm nghiệp tỉnh?																																																																

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

- a. Có, sử dụng rất hiệu quả (đủ để sử dụng và tạo kết quả tốt trong quản lý, bảo vệ rừng)
- b. Có, sử dụng hiệu quả (vẫn còn thiếu nhưng bước đầu tạo kết quả tốt trong quản lý, bảo vệ rừng)
- c. Có, nhưng không hiệu quả (có nhưng thiếu, gây khó khăn khi thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng)
- d. Không có nguồn vốn này
- e. Không có câu trả lời phù hợp/khác

Nguồn	a	b	c	d	e
1c.01.01. Ngân sách trung ương					
1c.01.02. Ngân sách địa phương					
1c.01.03. Vốn ODA					
1c.01.04. Vốn từ quỹ ủy thác (PFES)					
1c.01.05. Đầu tư tư nhân					
1c.01.06. Nguồn khác					

Cho điểm a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e - không tính điểm

Diễn giải

1c.02 – Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh và vai trò của nguồn tài chính từ dịch vụ môi trường rừng

1c.02.01. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh đã được thành lập hay chưa?

- a. Đã thành lập và vận hành
- b. Mới thành lập quỹ/có quỹ tương đương
- c. Chưa thành lập
- d. Không thành lập
- e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận)

Cho điểm a – 100, b – 67, c- 33, d – 0, e – không tính điểm

Diễn giải Nếu đã thành lập và hoạt động, đề nghị cho biết kết quả thực hiện những năm gần đây:

Kết quả thực hiện	2011	2012	2013
Tổng số tiền nạp về Quỹ (tỷ đồng)			
<i>Số tiền chi trả từ PFES</i>			
<i>Số tiền chi trả từ nguồn khác</i>			
Tổng số tiền đã thực chi cho QLBR (tỷ đồng)			
Số hộ gia đình đã được nhận tiền từ Quỹ (hộ)			
Số cộng đồng đã được nhận tiền từ Quỹ			
Số tổ chức khác QLBR được nhận tiền từ Quỹ			

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

	Diện tích rừng được bảo vệ bằng nguồn chi trả từ Quỹ (ha)						
	Rừng đặc dụng (ha)						
	Rừng phòng hộ (ha)						
	Rừng sản xuất (ha)						
1c.02.01. Quy mô của Quỹ							
a. Trên 30 tỷ đồng b. Từ 30-10 tỷ đồng c. Dưới 10 tỷ đồng d. Không có Quỹ BVPTR e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận)							
Cho điểm	a – 100, b – 67, c- 33, d – 0, e – không tính điểm						
Diễn giải							
1c.02.03. Đề nghị cho biết những thuận lợi, khó khăn chính trong việc huy động và chi trả kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động QLBRV tại địa phương					- na -		
Diễn giải							
1c.03. Bên cạnh chính sách chi trả DVMTR, đề nghị cho biết tỉnh còn có các chính sách, quy định nào để thu hút nguồn vốn cho hoạt động lâm nghiệp tại địa phương hay không?							
a. Có, đang thực hiện rất hiệu quả b. Có, bắt đầu chuẩn bị triển khai c. Có, nhưng không hiệu quả d. Không có chính sách này e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận)							
Cho điểm	: a – 100, b-67, c-33, d – 0, e – không tính điểm						
Diễn giải							
1d – Vai trò của rừng và đất rừng trong thực hiện đánh giá tác động môi trường							
1d.01 - Đại diện các cơ quan lâm nghiệp địa phương có thường được mời tham gia hội đồng thẩm định ĐTM các dự án phát triển trên địa bàn tỉnh hay không?					-		
a. Có, luôn luôn b. Có, thường xuyên c. Có, không thường xuyên d. Không được mời e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề xuất bình luận)							
		Cơ quan	a	b	c	d	e
		1d.01.01. Sở NN-PTNT					
		1d.01.02. Chi cục kiểm lâm (Phòng/ban)					
		1d.01.03. Chi cục Phát triển lâm nghiệp (Phòng/ban)					

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

1d.01.04. Ban quản lý rừng (RĐD/RPH)																																																																																					
1d.01.05. Các công ty lâm nghiệp (đơn vị cụ thể...)																																																																																					
1d.01.06. Phòng NN-PTNT, Hạt kiểm lâm (cấp huyện)																																																																																					
1d.01.07. Hội khoa học lâm nghiệp tỉnh																																																																																					
1d.01.08. Các cơ quan/cá nhân chuyên gia lâm nghiệp...																																																																																					
-																																																																																					
Cho điểm	a – 100, b – 67, c-33, d-0, e- không tính điểm																																																																																				
Diễn giải																																																																																					
1d.02 – Tổ chức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của những loại dự án nào ở tỉnh thì có mời đại diện các cơ quan lâm nghiệp tham gia? Đề nghị cho biết đại diện nào tại địa phương trước đây đã được mời tham gia Hội đồng	-																																																																																				
<p>a. Có, luôn luôn</p> <p>b. Có, thường xuyên</p> <p>c. Có, không thường xuyên</p> <p>d. Không được mời</p> <p>e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th align="center">Dự án</th> <th align="center">a</th> <th align="center">b</th> <th align="center">c</th> <th align="center">d</th> <th align="center">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1d.02.01. Thủy điện vừa và nhỏ; hồ chứa thủy lợi</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.02. Nhiệt điện hoặc dự án năng lượng khác</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.03. Khai thác khoáng sản</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.04. Trồng cao su</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.05. Trồng cà phê/chè</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.06. Trồng sắn/mía nguyên liệu</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.07. Du lịch sinh thái</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.08. Sản xuất công nghiệp cao (hoa, rau, cá)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.09. Xây dựng cơ sở hạ tầng (Đường, xá)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.10. Xây dựng khu tái định cư</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.11. Xây đê chắn sóng ven biển</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.12. Mở rộng đầm nuôi trồng thủy sản ven biển</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1d.02.13. Các loại dự án khác</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Dự án	a	b	c	d	e	1d.02.01. Thủy điện vừa và nhỏ; hồ chứa thủy lợi						1d.02.02. Nhiệt điện hoặc dự án năng lượng khác						1d.02.03. Khai thác khoáng sản						1d.02.04. Trồng cao su						1d.02.05. Trồng cà phê/chè						1d.02.06. Trồng sắn/mía nguyên liệu						1d.02.07. Du lịch sinh thái						1d.02.08. Sản xuất công nghiệp cao (hoa, rau, cá)						1d.02.09. Xây dựng cơ sở hạ tầng (Đường, xá)						1d.02.10. Xây dựng khu tái định cư						1d.02.11. Xây đê chắn sóng ven biển						1d.02.12. Mở rộng đầm nuôi trồng thủy sản ven biển						1d.02.13. Các loại dự án khác					
Dự án	a	b	c	d	e																																																																																
1d.02.01. Thủy điện vừa và nhỏ; hồ chứa thủy lợi																																																																																					
1d.02.02. Nhiệt điện hoặc dự án năng lượng khác																																																																																					
1d.02.03. Khai thác khoáng sản																																																																																					
1d.02.04. Trồng cao su																																																																																					
1d.02.05. Trồng cà phê/chè																																																																																					
1d.02.06. Trồng sắn/mía nguyên liệu																																																																																					
1d.02.07. Du lịch sinh thái																																																																																					
1d.02.08. Sản xuất công nghiệp cao (hoa, rau, cá)																																																																																					
1d.02.09. Xây dựng cơ sở hạ tầng (Đường, xá)																																																																																					
1d.02.10. Xây dựng khu tái định cư																																																																																					
1d.02.11. Xây đê chắn sóng ven biển																																																																																					
1d.02.12. Mở rộng đầm nuôi trồng thủy sản ven biển																																																																																					
1d.02.13. Các loại dự án khác																																																																																					
Cho điểm	a – 100, b – 67, c-33, d-0, e- không tính điểm																																																																																				
Diễn giải																																																																																					
1d.03 – Đại diện các cơ quan lâm nghiệp có thường được tham vấn chính thức/hỏi ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án phát triển trên địa bàn tỉnh hay không?																																																																																					

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

- a. Có, luôn luôn
- b. Có, thường xuyên
- c. Có, không thường xuyên
- d. Không được mời
- e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề xuất bình luận)

Cơ quan	a	b	c	d	e
1d.03.01. Sở NN-PTNT					
1d.03.02. Chi cục kiểm lâm (Phòng/ban)					
1d.03.03. Chi cục Phát triển lâm nghiệp (Phòng/ban)					
1d.03.04. Ban quản lý rừng (RĐD/RPH)					
1d.03.05. Các công ty lâm nghiệp (đơn vị cụ thể...)					
1d.03.06. Phòng NN-PTNT, Hạt kiểm lâm (cấp huyện)					
1d.03.07. Hội khoa học lâm nghiệp tỉnh					
1d.03.08. Các cơ quan/cá nhân chuyên gia lâm nghiệp...					

Cho điểm	a – 100, b – 67, c-33, d-0, e- không tính điểm
Diễn giải	

Phần II – Hệ thống tổ chức và cơ chế quản lý bảo vệ rừng

2a. Năng lực và kinh nghiệm quản trị lâm nghiệp địa phương	
2a.01 – Tỉnh đã thành lập BCD thực hiện kế hoạch BVPTTR của tỉnh?	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, đã thành lập b. Có, dưới hình thức khác (tổ công tác) c. Chưa thành lập d. Không thành lập e. Không có thông tin/không thích hợp (đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c-33, d-0, e- không tính điểm
Diễn giải	
2a.02 - Nếu đã thành lập, thành phần BCD có đại diện các cơ quan/tổ chức nào tham gia?	
<i>2a.02.01. Lãnh đạo UBND tỉnh</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp chỉ đạo, điều hành b. Có, trực tiếp chỉ đạo và ủy quyền cho cơ quan liên quan điều hành, thực hiện c. Có, gián tiếp chỉ đạo (do Sở NNPTNT trực tiếp chỉ đạo, điều hành và báo cáo UBND tỉnh) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>2a.02.02. Đại diện các sở/ngành chuyên môn NN-PTNT (chi cục kiểm lâm, chi cục lâm nghiệp...)</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp chỉ đạo, điều hành BCD b. Có, tham gia với tư cách là thành viên BCD c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn, hỏi ý kiến khi có vấn đề liên quan) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp/khác 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>2a.02.03. Đại diện các sở/ngành chuyên môn khác TN-MT, Tài chính, KH-ĐT, Công thương,...</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp chỉ đạo, điều hành BCD b. Có, tham gia với tư cách là thành viên BCD c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn, hỏi ý kiến khi có vấn đề liên quan) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp/khác 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>2a.02.04. Đại diện UBND các huyện (có rừng/đất lâm nghiệp)</i>	

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp tham gia chỉ đạo BCD cấp huyện b. Có, trực tiếp tham gia chỉ đạo các hoạt động do BCD cấp tỉnh đưa ra c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn, hỏi ý kiến khi có vấn đề liên quan) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp/khác 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>2a.02.05. Đại diện lực lượng vũ trang và tư pháp (công an, quân đội, Viện kiểm sát, Tòa án...)</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp tham gia các hoạt động theo quy định hoặc văn bản hợp tác được ký kết b. Có, trực tiếp tham gia khi có yêu cầu c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn/cho ý kiến) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>2a.02.06. Đại diện các tổ chức xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội CCB,...)</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp tham gia các hoạt động theo quy định hoặc văn bản hợp tác được ký kết b. Có, trực tiếp tham gia khi có yêu cầu c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn/cho ý kiến) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>2a.02.07. Đại diện khối doanh nghiệp (Công ty lâm nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, Hiệp hội DN,...)</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp tham gia các hoạt động theo quy định hoặc văn bản hợp tác được ký kết b. Có, trực tiếp tham gia khi có yêu cầu c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn/cho ý kiến) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
<i>2a.02.08 Đại diện các tổ chức cộng đồng địa phương</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp tham gia các hoạt động theo quy định hoặc văn bản hợp tác được ký kết b. Có, trực tiếp tham gia khi có yêu cầu c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn/cho ý kiến) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

Diễn giải	
2a.02.09. Đại diện các cơ quan ngoài nhà nước/cá nhân, chuyên gia lâm nghiệp	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, trực tiếp tham gia các hoạt động theo quy định hoặc văn bản hợp tác được ký kết b. Có, trực tiếp tham gia khi có yêu cầu c. Có, gián tiếp tham gia (được tham vấn/cho ý kiến) d. Không tham gia e. Không có thông tin/không phù hợp 	
Cho điểm	
Diễn giải	
2a.03. Tỉnh có thành lập Văn phòng thường trực BCD của tỉnh làm nhiệm vụ đầu mối điều phối triển khai thực hiện Kế hoạch BVPTTR 2011-2020 của tỉnh hay không?	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có b. Không 	
Cho điểm	a – 100, b – 0
Diễn giải	
2a.03.01. Đề nghị cho biết văn phòng hoạt động theo hình thức nào dưới đây:	
<ul style="list-style-type: none"> a. Văn phòng với cán bộ chuyên trách (trực thuộc UBND tỉnh hoặc Sở NN-PTNT) b. Văn phòng với cán bộ kiêm nhiệm (Do lãnh đạo Sở NN-PTNT điều hành) c. Văn phòng với cán bộ kiêm nhiệm (do Chi cục Lâm nghiệp/CC Kiểm lâm điều hành) d. Không có văn phòng thường trực e. Không thích hợp/khác (Đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không cho điểm
Diễn giải	
2a.04 – Căn cứ vào hiện trạng và diễn biến thay đổi rừng tại địa phương trong những năm qua, theo ông/bà mô hình Ban chỉ đạo QLTVR cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã (Ban lâm nghiệp xã) cần được điều chỉnh, tổ chức lại như thế nào để có thể chỉ đạo, điều hành hiệu quả hơn?	-na-
Diễn giải	
2b – Hệ thống quyền và tiếp cận sở hữu đối với đất rừng tại địa phương	
2b.01 – Theo kết quả rà soát đến hết năm 2012, tài nguyên đất rừng của địa phương hiện đang giao cho các chủ thể nào trực tiếp quản lý	- na -
<ul style="list-style-type: none"> a. Diện tích rừng tự nhiên do hộ gia đình, cộng đồng quản lý chiếm trên 75% b. Diện tích rừng tự nhiên do hộ gia đình, cộng đồng quản lý chiếm 50-75% c. Diện tích rừng tự nhiên do hộ gia đình, cộng đồng quản lý chiếm 25-50% d. Diện tích rừng tự nhiên do hộ gia đình, cộng đồng chiếm dưới 25% <p>Không có câu trả lời phù hợp</p>	

Diễn giải	Chủ thể quản lý	Diện tích (ha)	Phân loại theo mục đích quản lý		
			Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)
	Hộ gia đình				
	Cộng đồng				
	Ban quản lý rừng				
	Công ty lâm nghiệp/DNNN				
	Lực lượng vũ trang				
	UBND xã, huyện				
	Tổ chức kinh tế khác				
	Đối tượng khác				
2b.01.01. Mức độ sẵn có và công bố thông tin liên quan đến các chủ thể trực tiếp quản lý rừng/tài nguyên rừng tại địa phương					
<p>a. Thông tin liên quan đến chủ thể quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được hệ thống hóa, quản lý tại một đầu mối chính, công bố và chia sẻ công khai</p> <p>b. Thông tin liên quan đến chủ thể quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được hệ thống hóa, quản lý tại một đầu mối chính, công bố và chia sẻ khi có yêu cầu</p> <p>c. Thông tin liên quan đến chủ thể quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được hệ thống hóa, quản lý tại một đầu mối chính nhưng không được chia sẻ</p> <p>d. Thông tin chưa được hệ thống hóa, tản mát tại nhiều cơ quan khác nhau</p> <p>e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p>					
Cho điểm	a – 100, b – 67, c- 33, d – 0, e – không cho điểm				
Diễn giải					
2b.02. Tình trạng/kết quả thực hiện các hình thức giao đất-giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trên địa bàn toàn tỉnh theo rà soát đến cuối năm 2012 hoặc 2013 như thế nào? (bao gồm giao quyền sử dụng đất/sổ đỏ; hợp đồng khoán QLBR; và hợp đồng thuê rừng (nếu có))					- na -
<p>a. Đã thực hiện và đạt được trên 75% kế hoạch dự kiến</p> <p>b. Đã thực hiện và đạt được trên 50-75% kế hoạch dự kiến</p> <p>c. Đã thực hiện và đạt được trên 25-50 % kế hoạch dự kiến</p> <p>d. Đã thực hiện và chỉ đạt được dưới 25% kế hoạch dự kiến</p> <p>e. Không có câu trả lời phù hợp /khác (Đề nghị bình luận)</p>					

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

Diễn giải	Đối tượng	Tổng DT (ha)	Giao quyền sử dụng/ Cấp sổ đỏ		Hợp đồng khoán QLBR		Hình thức khác (thuê rừng)	
			Số lượng	DT (ha)	Số lượng	DT (ha)	Số lượng	DT (ha)
			Hộ gia đình					
Cộng đồng (thôn)								
<i>2b.02.01. Mức độ sẵn có và công bố thông tin liên quan đến kết quả giao đất giao rừng cho hộ gia đình, cộng đồng (thông tin đối tượng thực hiện, loại rừng, diện tích...)</i>								
a. Thông tin được hệ thống hóa, quản lý tại một đầu mối chính, công bố và chia sẻ công khai b. Thông tin được hệ thống hóa, quản lý tại một đầu mối chính, công bố và chia sẻ khi có yêu cầu c. Thông tin được hệ thống hóa, quản lý tại một đầu mối chính nhưng không được chia sẻ d. Thông tin chưa được hệ thống hóa, tản mát tại nhiều cơ quan khác nhau e. Không có câu trả lời phù hợp/khác								
Cho điểm	a – 100, b – 67, c- 33, d – 0, e – không cho điểm							
Diễn giải								
2b.03 – Hình thức tổ chức phối hợp quản lý (đồng quản lý) rừng tự nhiên giữa chủ rừng nhà nước (các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; công ty lâm nghiệp) với các bên liên quan khác đã được áp dụng/triển khai ở địa phương hay chưa?								

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

a. Có, theo chủ trương chính sách của nhà nước b. Có, theo chủ trương, chính sách của tỉnh c. Có, đang thí điểm thực hiện tại một số địa phương của tỉnh d. Không/chưa có mô hình này e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)																																												
<table border="1"> <thead> <tr> <th align="center">Hình thức đồng quản lý</th> <th align="center">a</th> <th align="center">b</th> <th align="center">c</th> <th align="center">d</th> <th align="center">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>2b.03.01. Đồng quản lý giữa chủ rừng và chính quyền địa phương</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>2b.03.02. Đồng quản lý giữa chủ rừng và doanh nghiệp tư nhân</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>2b.03.03. Đồng quản lý giữa chủ rừng với hộ gia đình/nhóm hộ</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>2b.03.04. Đồng quản lý giữa chủ rừng với cộng đồng thôn</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>2b.03.05. Đồng quản lý giữa chủ rừng với các tổ chức xã hội (CCB, đoàn TN)</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>2b.03.06. Đồng quản lý giữa chủ rừng với lực lượng khác (nếu có)</i></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Hình thức đồng quản lý	a	b	c	d	e	<i>2b.03.01. Đồng quản lý giữa chủ rừng và chính quyền địa phương</i>						<i>2b.03.02. Đồng quản lý giữa chủ rừng và doanh nghiệp tư nhân</i>						<i>2b.03.03. Đồng quản lý giữa chủ rừng với hộ gia đình/nhóm hộ</i>						<i>2b.03.04. Đồng quản lý giữa chủ rừng với cộng đồng thôn</i>						<i>2b.03.05. Đồng quản lý giữa chủ rừng với các tổ chức xã hội (CCB, đoàn TN)</i>						<i>2b.03.06. Đồng quản lý giữa chủ rừng với lực lượng khác (nếu có)</i>						
Hình thức đồng quản lý	a	b	c	d	e																																							
<i>2b.03.01. Đồng quản lý giữa chủ rừng và chính quyền địa phương</i>																																												
<i>2b.03.02. Đồng quản lý giữa chủ rừng và doanh nghiệp tư nhân</i>																																												
<i>2b.03.03. Đồng quản lý giữa chủ rừng với hộ gia đình/nhóm hộ</i>																																												
<i>2b.03.04. Đồng quản lý giữa chủ rừng với cộng đồng thôn</i>																																												
<i>2b.03.05. Đồng quản lý giữa chủ rừng với các tổ chức xã hội (CCB, đoàn TN)</i>																																												
<i>2b.03.06. Đồng quản lý giữa chủ rừng với lực lượng khác (nếu có)</i>																																												
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																											
Diễn giải																																												
2b.04 – Tại địa phương đã triển khai thực hiện các mô hình rừng do cộng đồng (thôn) quản lý hay chưa?																																												
a. Có, đã triển khai theo chủ trương của tỉnh (nhà nước), dựa trên truyền thống QLVR của cộng đồng địa phương b. Có, đã được thực hiện theo chủ trương của tỉnh (nhà nước) c. Chưa, nhưng cộng đồng địa phương có truyền thống QLVR theo cộng đồng d. Chưa từng có tiền lệ e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)																																												
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																											
Diễn giải																																												
<i>2b.04.01 Hình thức giao rừng cho cộng đồng (thôn) quản lý có được xem là thành công về mục tiêu quản lý bảo vệ rừng tại địa phương hay không?</i>																																												
a. Có và thành công b. Có và không thành công c. Có nhưng chưa đánh giá d. Không biết/không trả lời e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)																																												
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																											
Diễn giải																																												
<i>2b.04.02. Địa phương đã ban hành quy chế hoặc hướng dẫn về xây dựng mô hình quản lý rừng cộng đồng hay chưa?</i>																																												

a. Có, UBND tỉnh đã ban hành b. Có, dưới dạng tài liệu dự án được UBND huyện/xã thông qua c. Có, dưới dạng tài liệu dự án nhưng chưa được UBND huyện/xã thông qua d. Chưa có, chưa có quy chế hay hướng dẫn cụ thể về xây dựng mô hình quản lý rừng cộng đồng e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
2b.05.- Địa phương đã triển khai thực hiện theo các nguyên tắc quản lý rừng bền vững và hướng tới đạt chứng chỉ FSC/PEFC hay chưa?	
a. Có, có chủ trương trong Kế hoạch, Quy hoạch Bảo vệ Phát triển rừng cấp tỉnh b. Có, nhưng dừng lại ở các mô hình thí điểm do tỉnh trực tiếp thực hiện c. Có, nhưng là các mô hình thí điểm quy mô nhỏ do tư nhân/chủ rừng (công ty tư nhân, hộ gia đình) thực hiện d. Chưa có các mô hình này e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
2b.06 - Mức độ đáp ứng các quyền tiếp cận và sở hữu đối với rừng/đất rừng cho hộ gia đình và cộng đồng	
Tại địa phương, cộng đồng có những quy định và quyền truyền thống liên quan đến rừng/đất rừng hay không? Quyền đó có được thừa nhận chính thức?	
a. Có, được thừa nhận trong quy định pháp luật quốc gia b. Có, được thừa nhận trong quy định/chính sách tỉnh c. Có, được sử dụng/thừa nhận trong phạm vi thực hiện các dự án lâm nghiệp d. Không được thừa nhận e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận)	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm
Diễn giải	
2b.07. Cộng đồng được hưởng những quyền gì liên quan đến rừng/đất rừng	
Chia theo 5 mức độ của quyền sở hữu:	
Các quyền	a b c d e
2b.07.01. Quyền tiếp cận	
2b.07.02. Quyền sử dụng	
2b.07.03. Quyền quản lý	
2b.07.04. Quyền định đoạt	
2b.07.05. Quyền chuyển nhượng	
Đánh giá mức độ thực hiện các quyền này trong thực tế a. Có quy định, được thực hiện đầy đủ b. Có quy định, chỉ thực hiện được một phần	

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

<ul style="list-style-type: none"> b. Có kế hoạch kinh phí cho từng giai đoạn, nhưng phụ thuộc chủ yếu vào 1-2 nguồn ngân sách chính, như: nguồn DVMTR, nguồn ngân sách trung ương hoặc địa phương cho hoạt động bảo vệ phát triển rừng c. Chưa có kế hoạch kinh phí cụ thể, hiện vẫn dựa vào nguồn vốn ODA từ các dự án, hoặc nguồn đầu tư ngắn hạn d. Chưa có kế hoạch kinh phí cụ thể/chưa xác định được nguồn kinh phí từ đâu e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - na (không tính điểm)
Diễn giải	
2c.02 – Có dự án hoặc hoạt động REDD+ nào đã hoặc đang thực hiện tại địa phương hay không?	
2c.02.00 – Tình trạng của các dự án và hoạt động REDD+ của tỉnh?	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, đã hoàn thành/đang tiếp tục chuyển sang giai đoạn tiếp theo b. Có, đang thực hiện c. Có, chuẩn bị triển khai d. Không/chưa có dự án nào e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - na (không tính điểm)
Diễn giải	
2c.02.01 – Cho biết các thách thức, khó khăn chính khi triển khai thực hiện các dự án, hoạt động REDD+ tại địa phương	- na -
Diễn giải	
2d – Hợp tác và điều phối quản lý bảo vệ rừng các cấp	
2d.01 - Ở cấp tỉnh, đề nghị cho biết cơ quan chủ trì (trực tiếp) thực hiện, cơ quan phối hợp thực hiện một số hoạt động lâm nghiệp dưới đây tại địa phương; và cho biết cơ quan nào là đơn vị phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả nhất với cơ quan chủ trì.	

Đánh giá hiệu quả hợp tác giữa các cơ quan cấp trình trong các hoạt động lâm nghiệp:

- a. Có, hợp tác chặt chẽ, hiệu quả
- b. Có, hợp tác chặt chẽ
- c. Có, hợp tác “hình thức”, chưa hiệu quả
- d. Không hợp tác
- e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)

Các hoạt động	a	b	c	d	e
2d.01.01 – Lập quy hoạch, kế hoạch QLBR					
2d.01.02 – Lập kế hoạch giao đất, giao rừng					
2d.01.03 – Nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật QLBR					
2d.01.04 – Thực thi luật pháp về quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và PCCCR					

Cho điểm a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - na (không tính điểm)

Diễn giải

2d.02. Đề nghị cho biết cơ quan lâm nghiệp của tỉnh, như Sở NN-PTNT hoặc Chi cục Kiểm lâm, có văn kiện hoặc chương trình hợp tác, phối hợp với các tổ chức xã hội nào để tăng cường hiệu quả của công tác QLBR trên địa bàn tỉnh. Nếu có đề nghị cho biết cụ thể thời gian và nội dung hợp tác với từng tổ chức xã hội (ví dụ: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội doanh nghiệp vừa và nhỏ, Liên minh hợp tác xã,...)

- na -

Diễn giải

2d.03. Ở cấp huyện, Hạt kiểm lâm là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý các chủ rừng, thực thi lâm luật và tổ chức triển khai các chính sách-hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển rừng tại địa phương (huyện, xã). Đề nghị cho biết các cơ quan chỉ đạo và cơ quan phối hợp với Hạt kiểm lâm thực hiện các nhiệm vụ lâm nghiệp dưới đây. Cho biết các cơ quan phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả nhất.

<p>Đánh giá hiệu quả hợp tác giữa các cơ quan cấp trình trong các hoạt động lâm nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Có, hợp tác chặt chẽ, hiệu quả Có, hợp tác chặt chẽ Có, hợp tác “hình thức”, chưa hiệu quả Không hợp tác Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 																															
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr style="background-color: #cccccc;"> <th style="text-align: center;">Các hoạt động</th> <th style="text-align: center;">a</th> <th style="text-align: center;">b</th> <th style="text-align: center;">c</th> <th style="text-align: center;">d</th> <th style="text-align: center;">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2d.01.01 – Lập quy hoạch, kế hoạch QLBV</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2d.01.02 – Lập kế hoạch giao đất, giao rừng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2d.01.03 – Nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật QLBV</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2d.01.04 – Thực thi luật pháp về quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và PCCCR</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Các hoạt động	a	b	c	d	e	2d.01.01 – Lập quy hoạch, kế hoạch QLBV						2d.01.02 – Lập kế hoạch giao đất, giao rừng						2d.01.03 – Nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật QLBV						2d.01.04 – Thực thi luật pháp về quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và PCCCR					
Các hoạt động	a	b	c	d	e																										
2d.01.01 – Lập quy hoạch, kế hoạch QLBV																															
2d.01.02 – Lập kế hoạch giao đất, giao rừng																															
2d.01.03 – Nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật QLBV																															
2d.01.04 – Thực thi luật pháp về quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và PCCCR																															
Cho điểm	a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - na (không tính điểm)																														
Diễn giải																															
2d.04. Đề nghị cho biết Hạt kiểm lâm có ký văn kiện hoặc chương trình hợp tác, phối hợp hàng năm với cơ quan, tổ chức xã hội, doanh nghiệp nào để tăng cường hiệu quả của công tác QLBV trên địa bàn huyện.	na																														
Diễn giải																															
2e – Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin lâm nghiệp																															
2e.01. Các chủ trương, chính sách và quy định của nhà nước và tỉnh về hoạt động lâm nghiệp, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng có được công bố và cập nhật trên các trang tin điện tử của UBND tỉnh, Sở NN-PTNT hoặc website của các cơ quan liên quan khác hay không?																															
<ol style="list-style-type: none"> Có, cập nhật thường xuyên và đầy đủ Có, cập nhật thường xuyên nhưng không đầy đủ thông tin Có, gần như không được cập nhật và thông tin không đầy đủ Không có website Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 																															
Cho điểm	a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - na (không tính điểm)																														
Diễn giải																															
2e.02. Đài phát thanh-truyền hình của tỉnh/huyện có chương trình phát riêng bằng tiếng địa phương dành cho đồng bào dân tộc thiểu số hay không?																															
<ol style="list-style-type: none"> Có Không 																															
Cho điểm	a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - na (không tính điểm)																														
Diễn giải																															

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

<i>2e.02.01 Mức độ thường xuyên hoạt động của đài phát thanh tỉnh liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Hàng tuần b. Hai tuần/ 1 lần c. Hàng tháng d. Hơn 1 tháng 1 lần e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - không tính điểm
Diễn giải	
<i>2e.02.02. Mức độ thường xuyên hoạt động của đài phát thanh huyện về các hoạt động lâm nghiệp</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Hàng tuần b. Hai tuần/ 1 lần c. Hàng tháng d. Hơn 1 tháng 1 lần e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a - 100, b - 67, c - 33, d - 0, e - không tính điểm
Diễn giải	
2e.03. Chương trình làm việc hàng năm của Hạt kiểm lâm và các chủ rừng nhà nước (như công ty lâm nghiệp, BQL rừng phòng hộ, BQL VQG/KBT) có kế hoạch cho các hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho chính quyền và cộng đồng địa phương về QLVR hay không?	
<ul style="list-style-type: none"> a. Có b. Không 	
Cho điểm	a – 100, b – 0
Diễn giải	
<i>2e.03.01. Hình thức tuyên truyền, thông tin, nâng cao nhận thức cho chính quyền và cộng đồng địa phương của chủ rừng nhà nước về QLVR?</i>	
<p>Các hình thức tuyên truyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ký cam kết quản lý, bảo vệ rừng Đội/cán bộ tuyên truyền chuyên trách Thông qua UBND xã, trưởng thôn, trưởng bản Băng rôn, khâu hiệu ở các nhà văn hóa thôn, bản <p>Lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có cả 4 hình thức trên b. Có 3 hình thức c. Có 2 -1 hình thức d. Không thực hiện 	

Diễn giải	
<i>2e.05.02. Người dân biết được thông tin về quản lý bảo vệ và phát triển rừng bằng cách nào?</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Qua cán bộ thôn/xã b. Qua cán bộ kiểm lâm/công ty lâm nghiệp/BQL rừng c. Thông qua văn bản từ cấp trên gửi trực tiếp d. Qua Radio, báo chí, TV e. Thông qua hàng xóm, bạn bè, người dân f. Khác, cụ thể là 	
8.8.8. [Không biết]	999. [Từ chối trả lời]
Cho điểm	Càng nhiều lựa chọn càng được điểm cao hơn. Bằng hoặc Nhiều hơn 5 phương án = 100, 4 phương án = 80, 3 phương án = 60, 2 phương án = 40, 1 phương án = 20, không được thông = 0.
Diễn giải	
<i>2e.05.03. Mức độ sẵn sàng của người dân địa phương khi tham gia quản lý bảo vệ rừng ?</i>	
<ul style="list-style-type: none"> a. Rất sẵn sàng b. Nếu được mời tham gia thì đồng ý c. Tùy vào chính sách hưởng lợi d. Không muốn tham gia e. Không biết/không trả lời/câu trả lời khác (Đề nghị bình luận) 	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm (lấy trung bình tổng số điểm trả lời của các hộ trong bảng hỏi hộ)
Diễn giải	
2f. Thực thi lâm luật và quản lý bảo vệ phát triển rừng tại địa phương	
2f.01. Dựa trên thực tế địa phương, đề nghị cho biết hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng của từng nhóm chủ thể đã được nhà nước giao đất-giao rừng, hoặc giao khoán theo các mức đánh giá trong bảng dưới đây (Mức độ hiệu quả dựa trên khả năng bảo vệ rừng khỏi các hoạt động trái phép như chặt gỗ, xâm lấn đất rừng, PCCCR,...)	

- a. Rất hiệu quả
- b. Hiệu quả
- c. Hiệu quả thấp
- d. Không hiệu quả
- e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)

Chủ rừng	a	b	c	d	e
2f.01.01 Hộ gia đình					
2f.01.02 Cộng đồng					
2f.01.03 Ban quản lý RPH					
2f.01.04. Ban quản lý RĐD					
2f.01.05. Công ty lâm nghiệp					
2f.01.06. Tổ chức kinh tế khác					
2f.01.07. Ủy ban nhân dân xã					
2f.01.08. Công an, quân đội					

Cho điểm a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm

Diễn giải

2f.02 Lực lượng cán bộ chuyên trách quản lý bảo vệ rừng chuyên trách (kiểm lâm) của tỉnh hiện đã tuyển dụng đủ theo định suất 500ha rừng/1 kiểm lâm hay chưa?

- a. Đã có đủ biên chế
- b. Thiếu 1/3 biên chế theo định suất
- c. Thiếu 2/3 biên chế theo định suất
- d. Không đủ biên chế
- e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)

Cho điểm a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)

Diễn giải

2f.03. Cho biết một số kết quả chính về thực thi pháp luật quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản hàng năm trên địa bàn tỉnh trong 5 năm vừa qua.

- a. Số vụ vi phạm giảm đi
- b. Số vụ vi phạm không thay đổi nhiều
- c. Số vụ vi phạm tăng lên
- d. Không có thông tin
- e. Không có câu trả lời thích hợp/khác (Đề nghị bình luận)

Cho điểm a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)

Diễn giải Tổng số vụ vi phạm theo từng năm (nguồn: kiemlam.org.vn)

Năm	2009	2010	2011	2012	2013
Số vụ					

	Số lượng gỗ tích thu (m ³)					
	Năm	2009	2010	2011	2012	2013
	Số vụ					
2g. Hệ thống giám sát và thu thập thông tin lâm nghiệp của địa phương						
2g.01. Ngành lâm nghiệp của tỉnh có hệ thống quan trắc/giám sát thay đổi hiện trạng rừng của địa phương có hay không?						
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, hệ thống quan trắc/giám sát hoặc tương đương b. Có, đã xây dựng và đang trong quá trình thí điểm c. Có, nhưng chưa hoàn thiện, mới thực hiện tại một số địa bàn d. Không có/chưa xây dựng e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 						
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)					
Diễn giải						
2g.01.01. Nếu có, cho biết cơ quan nào chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quan trắc/giám sát thay đổi hiện trạng rừng						- na -
Diễn giải:						
2g.01.02. Nếu có, báo cáo kết quả quan trắc có được lập không?						
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, định kỳ theo tháng/quý b. Có, định kỳ hàng năm hoặc nửa năm một lần c. Có, nhưng không đầy đủ d. Không thực hiện e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 						
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)					
Diễn giải						
2g.02. Báo cáo thông tin và kết quả quan trắc/giám sát hiện trạng rừng của địa phương có được công bố công khai không?						
<ul style="list-style-type: none"> a. Có, công bố công khai trên website của Sở NN b. Có, báo cáo dưới dạng file tài liệu được công bố thông qua các cuộc họp thường niên c. Có, được thông tin khi có yêu cầu d. Không công bố công khai e. Không có câu trả lời phù hợp/khác 						
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)					
Diễn giải						
2g.02.01 Định kỳ báo cáo						
<ul style="list-style-type: none"> a. Hàng tháng b. Hàng quý c. Hàng năm 						

d. Không có thông tin/không có báo cáo	
e. Không có câu trả lời phù hợp/khác	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)
Diễn giải	
2g.02.02 <i>Mức độ cập nhật và đầy đủ thông tin của báo cáo</i>	
a. Cập nhật liên tục đúng thời hạn, đủ thông tin	
b. Cập nhật liên tục nhưng đôi khi thiếu thông tin	
c. Cập nhật không liên tục và thiếu thông tin	
d. Không cập nhật và thường xuyên thiếu thông tin	
e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)
Diễn giải	
2g.02.03. <i>Nếu có, cho biết có thể tiếp cận tham khảo báo cáo đó ở đâu? (website, thư viện...)</i>	-na-
a. Có sẵn trên website được công bố theo định kỳ	
b. Có sẵn báo cáo giấy, có thể yêu cầu tham khảo	
c. Có sẵn báo cáo giấy, phải mua nếu cần	
d. Không được công bố công khai	
e. Không có câu trả lời phù hợp/khác	
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)
Diễn giải	
2g.03. Hoạt động quan trắc/giám sát có sử dụng ảnh vệ tinh/không ảnh và các thiết bị hỗ trợ khác như GPS để phân tích hiện trạng và chất lượng rừng hay không?	
a. Có	
b. Không	
Cho điểm	a- 100, b – 0
Diễn giải	
2g.04. Cho biết các khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng và vận hành hệ thống quan trắc/giám sát hiện trạng rừng địa phương	
Diễn giải	-na -
2h – Giá trị kinh tế của hoạt động lâm nghiệp địa phương	
2h.01. Cho biết giá trị sản xuất và tỷ trọng đóng góp của ngành lâm nghiệp hàng năm cho nền kinh tế của tỉnh trong 5 năm gần đây?	
a. Tỉnh có kinh tế phụ thuộc vào lâm nghiệp cao (a > 67%)	
b. Tỉnh có kinh tế phụ thuộc vào lâm nghiệp trung bình (33% <a < 67%)	
c. Tỉnh không phụ thuộc vào kinh tế lâm nghiệp (a < 33%)	
d. Tỉnh không có hoạt động kinh tế lâm nghiệp	
e. Không có câu trả lời phù hợp	

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na																																									
Diễn giải	Mức đóng góp	2009	2010	2011	2012	2013																																				
	Tổng giá trị sản xuất (tr.đồng)																																									
	Tỷ trọng đóng góp GDP tỉnh (%)																																									
	Giá trị đóng góp cho ngân sách tỉnh																																									
	Tỷ trọng đóng góp cho NS tỉnh (%)																																									
2h.02 – Cho biết giá trị thu nhập trung bình hàng năm từ hoạt động lâm nghiệp địa phương tính theo đơn vị diện tích (triệu đồng/ha/năm) trong 5 năm gần đây?						- na -																																				
Diễn giải																																										
2h.03. Đề nghị cho biết giá trị thu nhập trung bình hàng năm tính theo đơn vị diện tích tại địa phương khi chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất rừng tự nhiên sang:						- na-																																				
<p>a. Không có chuyển đổi đất rừng tự nhiên sang các loại cây công nghiệp tại địa phương</p> <p>b. Giá trị thu nhập trung bình thấp hơn hẳn so với trường hợp không chuyển đổi</p> <p>c. Không thay đổi nhiều so với trường hợp không chuyển đổi</p> <p>d. Cao hơn nhiều so với trường hợp không chuyển đổi / không có thông tin</p> <p>e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p> <table border="1" style="margin-left: 40px;"> <thead> <tr> <th>Hình thức chuyển đổi</th> <th>a</th> <th>b</th> <th>c</th> <th>d</th> <th>e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2h.03.01 Trồng cao su</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2h.03.02. Trồng cà phê</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2h.03.03 Trồng sắn</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2h.03.04 Trồng lúa cạn</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2h.03.05. Trồng rừng sản xuất</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>							Hình thức chuyển đổi	a	b	c	d	e	2h.03.01 Trồng cao su						2h.03.02. Trồng cà phê						2h.03.03 Trồng sắn						2h.03.04 Trồng lúa cạn						2h.03.05. Trồng rừng sản xuất					
Hình thức chuyển đổi	a	b	c	d	e																																					
2h.03.01 Trồng cao su																																										
2h.03.02. Trồng cà phê																																										
2h.03.03 Trồng sắn																																										
2h.03.04 Trồng lúa cạn																																										
2h.03.05. Trồng rừng sản xuất																																										
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (ghi chú: nguồn thu càng lớn hơn thì rủi ro chuyển đổi càng lớn, rủi ro đối với REDD+ càng lớn nên số điểm càng thấp)																																									
Diễn giải	<ul style="list-style-type: none"> • Trồng cao su: triệu đồng/ha/năm • Trồng cà phê: triệu đồng/ha/năm • Trồng sắn: triệu đồng/ha/năm • Trồng lúa cạn: triệu đồng/ha/năm • Trồng rừng sản xuất triệu đồng/ha/năm 																																									
2h.04. Xu hướng thay đổi giá trị khai thác lâm sản của ngành lâm nghiệp 5 năm gần đây																																										

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

	<ul style="list-style-type: none"> a. Không khai thác b. Giảm c. Không thay đổi d. Tăng e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận) 												
Cho điểm	a – 100, b - 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm) (ghi chú: thường trường hợp không khai thác sẽ không xảy ra, tương đương với số điểm 100 không có tình nào có thể đạt được)												
Diễn giải	<table border="1" data-bbox="337 577 1377 667"> <thead> <tr> <th></th> <th>2008</th> <th>2009</th> <th>2010</th> <th>2011</th> <th>2012</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p><i>Nguồn:</i></p>		2008	2009	2010	2011	2012						
	2008	2009	2010	2011	2012								

Phần III – Hiện trạng môi trường của địa phương

3a. Diện tích, phân loại và chất lượng tài nguyên rừng của địa phương						
3a.01. Cho biết số liệu thống kê diện tích rừng của tỉnh theo kết quả rà soát đến cuối năm 2012						
<i>3a.01.01 Tỷ lệ phân loại theo tính chất (% tỷ lệ rừng tự nhiên)</i>						
a. Tỉnh có tỷ lệ rừng tự nhiên trên 75% tổng diện tích rừng toàn tỉnh b. Tỉnh có tỷ lệ rừng tự nhiên từ 50-75% tổng diện tích rừng toàn tỉnh c. Tỉnh có tỷ lệ rừng tự nhiên từ 25-50% tổng diện tích rừng toàn tỉnh d. Tỉnh có tỷ lệ rừng tự nhiên dưới 25% e. Không có câu trả lời phù hợp/khác						
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm					
Diễn giải						
<i>3a.01.02. Phân tích tỷ lệ giữa các loại rừng</i>						
a. Rừng tự nhiên trung bình và nghèo lớn b. Rừng tự nhiên giàu nhiều c. Rừng trồng nhiều d. Không có thông tin e. Không thích hợp (Đề nghị bình luận)						
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – na (không tính điểm)					
Diễn giải						
3a.02. Cho biết số liệu thống kê diện tích rừng tự nhiên của tỉnh phân theo trữ lượng gỗ theo kết quả rà soát đến cuối năm 2012						- na -
<ul style="list-style-type: none"> • Rừng giàu..... ha • Rừng trung bình ha • Rừng nghèo ha 						
3b – Phạm vi và xu hướng mất rừng tại địa phương						
3b.01 Cho biết số liệu thống kê diễn biến diện tích rừng bị mất hàng năm tại địa phương vì các nguyên nhân khác nhau trong 5 năm gần đây						
a. Không bị mất rừng b. Xu hướng mất rừng giảm đi nhiều c. Xu hướng mất rừng ổn định d. Xu hướng mất rừng tăng mạnh e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)						
Cho điểm	a – 100, b - 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)					
Diễn giải	Thống kê diện tích rừng bị mất					
	Năm	2009	2010	2011	2012	2013
	Số ha mất					

3b.02 Cho biết số liệu thống kê diễn biến diện tích rừng bị mất hàng năm do chuyển đổi mục đích sử dụng bởi các hoạt động phát triển và sinh kế, và diện tích rừng được trồng lại theo quy định trồng bù rừng khi gây mất rừng của các dự án phát triển trong 5 năm gần đây.						
<i>3b.02.00. Tỷ lệ diện tích mất rừng tại địa phương/ diện tích trồng bù</i>						
a. >1, tỷ lệ che phủ rừng tăng mạnh b. = 1, tỷ lệ che phủ rừng không thay đổi c. <1, tỷ lệ che phủ rừng giảm mạnh d. Không có thông tin e. Không có câu trả lời phù hợp.khác (đề nghị bình luận)						
Diễn giải		2009	2010	2011	2012	2013
	DT rừng bị chuyển mục đích sử dụng hàng năm (ha)					
	trong đó:					
	<i>Do xây dựng thủy điện, hồ chứa</i>					
	<i>Do khai thác khoáng sản</i>					
	<i>Do mở rộng diện tích trồng cao su</i>					
	<i>Do mở rộng diện tích trồng cà phê</i>					
	<i>Do mở rộng diện tích trồng sắn</i>					
	<i>Do mở rộng diện tích nuôi tôm, cá</i>					
	<i>Do xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, đê chắn sóng,...)</i>					
	<i>Do tái định cư</i>					
	<i>Lý do khác.....</i>					
DT rừng được trồng mới theo hình thức trồng bù (ha)						

<p>3b.03 Đề nghị cho biết mức độ làm mất rừng do chuyển đổi mục đích sử dụng và gây nguy cơ suy thoái và mất rừng về lâu dài của các dự án phát triển đã và đang triển khai tại địa phương theo các mức đánh giá dưới đây. Trong đó, nguy cơ phản ánh phạm vi mất rừng và khả năng kiểm soát, quản lý của các cơ quan chức năng.</p>																																																													
<p>a. Không bị mất rừng b. Mức độ mất rừng thấp c. Mức độ mất rừng trung bình d. Mức độ mất rừng cao e. Không có thông tin/Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)</p>																																																													
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Loại dự án</th> <th>a</th> <th>b</th> <th>c</th> <th>d</th> <th>e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>3b.03.01. Xây dựng thủy điện, hồ đập</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.02. Khai thác khoáng sản</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.03. Trồng cao su</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.04. Trồng cà phê, chè</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.05. Trồng mía, sắn và cây kinh tế khác</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.06. Nuôi trồng thủy sản (tôm, cua, cá...)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.07. Xây dựng cơ sở hạ tầng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.08. Tái định cư/xây dựng khu dân cư</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3b.03.09. Khác (an ninh quốc phòng)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Loại dự án	a	b	c	d	e	3b.03.01. Xây dựng thủy điện, hồ đập						3b.03.02. Khai thác khoáng sản						3b.03.03. Trồng cao su						3b.03.04. Trồng cà phê, chè						3b.03.05. Trồng mía, sắn và cây kinh tế khác						3b.03.06. Nuôi trồng thủy sản (tôm, cua, cá...)						3b.03.07. Xây dựng cơ sở hạ tầng						3b.03.08. Tái định cư/xây dựng khu dân cư						3b.03.09. Khác (an ninh quốc phòng)					
Loại dự án	a	b	c	d	e																																																								
3b.03.01. Xây dựng thủy điện, hồ đập																																																													
3b.03.02. Khai thác khoáng sản																																																													
3b.03.03. Trồng cao su																																																													
3b.03.04. Trồng cà phê, chè																																																													
3b.03.05. Trồng mía, sắn và cây kinh tế khác																																																													
3b.03.06. Nuôi trồng thủy sản (tôm, cua, cá...)																																																													
3b.03.07. Xây dựng cơ sở hạ tầng																																																													
3b.03.08. Tái định cư/xây dựng khu dân cư																																																													
3b.03.09. Khác (an ninh quốc phòng)																																																													
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)																																																												
Diễn giải																																																													
<p>3c – Hỗ trợ và thúc đẩy công tác trồng rừng và phục hồi rừng tại địa phương</p>																																																													
<p>3c.01 – Đề nghị cho biết tổng mức đầu tư và kết quả đạt được đối với diện tích trồng mới và phục hồi rừng hàng năm tại địa phương trong 5 năm gần đây</p>																																																													
<p>Đánh giá hiệu quả trồng mới và phục hồi rừng cấp tỉnh</p> <p>a. Hiệu quả cao b. Hiệu quả trung bình c. Ít hiệu quả d. Không hiệu quả, thất bại e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p>																																																													
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																																												

Diễn giải	Chi phí và Kết quả	2009	2010	2011	2012	2013																																				
	Kinh phí đầu tư cho trồng mới (triệu đồng)																																									
	Diện tích trồng mới (ha)																																									
	Kinh phí đầu tư cho phục hồi (triệu đồng)																																									
	Diện tích rừng được phục hồi (ha)																																									
3d. Mức độ dễ bị tổn thương của rừng trước tác động của BĐKH tại địa phương																																										
3d.01. Cho biết số liệu thống kê hàng năm thể hiện mức độ dễ tổn thương của tài nguyên đất/rừng ở địa phương trước các điều kiện thời tiết cực đoan xảy ra trong 5 năm gần đây																																										
<p>a. Không bị ảnh hưởng</p> <p>b. Giảm đi</p> <p>c. Ổn định</p> <p>d. Tăng lên</p> <p>e. Không có thông tin/Không có câu trả lời phù hợp/khác (Đề nghị bình luận)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Loại dự án</th> <th>a</th> <th>b</th> <th>c</th> <th>d</th> <th>e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>3d.01.01. Đánh giá rủi ro từ cháy rừng (số liệu các vụ cháy rừng địa phương, số liệu diện tích rừng bị thiệt hại)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3d.01.02. Đánh giá nguy cơ cháy rừng (số điểm nóng cháy rừng của tỉnh)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3d.01.03. Đánh giá rủi ro từ sạt lở đất (Số vụ sạt lở đất nghiêm trọng (vụ); Diện tích đất bị sạt lở (ha))</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3d.01.04. Đánh giá rủi ro từ phát nương canh tác (Diện tích đất (rẫy) không sản xuất được nên chuyển sang phục hồi rừng (ha))</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3d.01.05. Đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu (Diện tích rừng bị gãy đổ bởi bão, Diện tích rừng bị thiệt hại do hạn hán, Diện tích rừng bị mất do sâu bệnh, Diện tích rừng bị ngập do nước biển dâng...)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>							Loại dự án	a	b	c	d	e	3d.01.01. Đánh giá rủi ro từ cháy rừng (số liệu các vụ cháy rừng địa phương, số liệu diện tích rừng bị thiệt hại)						3d.01.02. Đánh giá nguy cơ cháy rừng (số điểm nóng cháy rừng của tỉnh)						3d.01.03. Đánh giá rủi ro từ sạt lở đất (Số vụ sạt lở đất nghiêm trọng (vụ); Diện tích đất bị sạt lở (ha))						3d.01.04. Đánh giá rủi ro từ phát nương canh tác (Diện tích đất (rẫy) không sản xuất được nên chuyển sang phục hồi rừng (ha))						3d.01.05. Đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu (Diện tích rừng bị gãy đổ bởi bão, Diện tích rừng bị thiệt hại do hạn hán, Diện tích rừng bị mất do sâu bệnh, Diện tích rừng bị ngập do nước biển dâng...)					
Loại dự án	a	b	c	d	e																																					
3d.01.01. Đánh giá rủi ro từ cháy rừng (số liệu các vụ cháy rừng địa phương, số liệu diện tích rừng bị thiệt hại)																																										
3d.01.02. Đánh giá nguy cơ cháy rừng (số điểm nóng cháy rừng của tỉnh)																																										
3d.01.03. Đánh giá rủi ro từ sạt lở đất (Số vụ sạt lở đất nghiêm trọng (vụ); Diện tích đất bị sạt lở (ha))																																										
3d.01.04. Đánh giá rủi ro từ phát nương canh tác (Diện tích đất (rẫy) không sản xuất được nên chuyển sang phục hồi rừng (ha))																																										
3d.01.05. Đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu (Diện tích rừng bị gãy đổ bởi bão, Diện tích rừng bị thiệt hại do hạn hán, Diện tích rừng bị mất do sâu bệnh, Diện tích rừng bị ngập do nước biển dâng...)																																										
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																									

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

Diễn giải	Năm	2009	2010	2011	2012	2013
	Số ha mất					
Mất rừng do làm rẫy						
Diện tích rừng bị mất						

Phần IV – Hiện trạng/điều kiện xã hội của địa phương

4a. Dân số, dân tộc thiểu số và tình trạng đói nghèo tại địa phương			
4a.01. Số liệu thống kê về cơ cấu dân số, dân cư của tỉnh nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng đến cuối năm 2012			
4a.01.01. Tỷ lệ DTTS/tổng số dân địa phương			
a. Cao (> 68%) b. Trung bình (34-67%) c. Thấp (<34%) d. Không có câu trả lời phù hợp/không có thông tin			
Cho điểm	Cho điểm: a – 100, b – 67, c – 33, d – na (không cho điểm) – Tỷ lệ DTTS cao là những vùng ưu tiên làm REDD+, tuy nhiên lại là rủi ro lớn khi thực hiện REDD+ (!)		
Diễn giải		Cơ cấu toàn tỉnh	Riêng cơ cấu DTTS
	Tổng dân số (người)		
	<i>Nam</i>		
	<i>Nữ</i>		
	Tổng số hộ gia đình		
	Số trẻ em dưới 15 tuổi		
	Tỷ lệ trẻ em đến trường (%)		
	Tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học		
	Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở		
	Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông		
	Tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm (%)		
	Tỷ lệ dân cư thuộc nhóm mù chữ (%)		
	Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện (%)		
	Tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sạch (%)		
	Tổng số xã toàn tỉnh (xã)		
	Tỷ lệ số xã có trạm y tế (%)		
	Tổng số xã (xã)		
	4a.02. Số liệu thống kê về mức thu thập bình quân hàng năm tính theo đầu người và tỷ lệ đói nghèo trên địa bàn tỉnh trong 5 năm vừa qua		

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

4a.02.01. Tỷ lệ thu nhập từ nông, lâm và thủy sản so với tổng thu trung bình đầu người/tháng ở vùng nông thôn																																				
a. Cao (trên 50%) b. Trung bình (20% < a < 50%) c. Thấp (< 20%) d. Không có																																				
Cho điểm: a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																				
Diễn giải																																				
4a.02.02. Tỷ lệ nghèo của tỉnh																																				
a. Không có b. Thấp (< 13%) c. Trung bình (13-26%) d. Cao (> 26%) e. Không có câu trả lời phù hợp/không có thông tin																																				
Cho điểm		Xét trên tiêu chí, tỷ lệ nghèo càng cao thì rủi ro cho REDD+ càng lớn a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																		
Diễn giải		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ số kinh tế</th> <th>2009</th> <th>2010</th> <th>2011</th> <th>2012</th> <th>2013</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thu nhập bình quân/người/năm (đồng)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ hộ nghèo (%)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thu nhập bình quân của hộ DTTS</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ hộ nghèo của trong cộng đồng DTTS</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>					Chỉ số kinh tế	2009	2010	2011	2012	2013	Thu nhập bình quân/người/năm (đồng)						Tỷ lệ hộ nghèo (%)						Thu nhập bình quân của hộ DTTS						Tỷ lệ hộ nghèo của trong cộng đồng DTTS					
Chỉ số kinh tế	2009	2010	2011	2012	2013																															
Thu nhập bình quân/người/năm (đồng)																																				
Tỷ lệ hộ nghèo (%)																																				
Thu nhập bình quân của hộ DTTS																																				
Tỷ lệ hộ nghèo của trong cộng đồng DTTS																																				
4b – Sinh kế và lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp																																				
4b.01. Số liệu thống kê về số lao động do hoạt động lâm nghiệp tạo ra hàng năm trên địa bàn tỉnh																																				
a. Cao b. Trung bình c. Thấp d. Không có hoặc không có thông tin thống kê e. Không có câu trả lời phù hợp/khác																																				
Cho điểm		a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e - không tính điểm																																		
Diễn giải		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ số lao động</th> <th>2009</th> <th>2010</th> <th>2011</th> <th>2012</th> <th>2013</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng lao động (người)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Số lao động nữ (người)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>					Chỉ số lao động	2009	2010	2011	2012	2013	Số lượng lao động (người)						Số lao động nữ (người)																	
Chỉ số lao động	2009	2010	2011	2012	2013																															
Số lượng lao động (người)																																				
Số lao động nữ (người)																																				
4b.02 Tỉnh đã có quy hoạch khu vực và diện tích đất canh tác nương rẫy cho các hộ gia đình và cộng đồng trên toàn tỉnh chưa?																																				

	<ul style="list-style-type: none"> a. Đã quy hoạch b. Đang quy hoạch c. Chưa quy hoạch/ đã quy hoạch trước nhưng từ lâu đã hết hạn d. Không quy hoạch hoặc không có thông tin được công bố e. Không có câu trả lời phù hợp/khác 																																					
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – na (không tính điểm)																																					
Diễn giải																																						
4b.03. Mức thu nhập trung bình của các hộ từ hoạt động lâm nghiệp dựa theo kết quả khảo sát hộ gia đình																																						
	<ul style="list-style-type: none"> a. Không phụ thuộc vào rừng b. Mức độ phụ thuộc vào rừng thấp c. Mức độ phụ thuộc vào rừng trung bình d. Mức độ phụ thuộc vào rừng cao e. Không có câu trả lời phù hợp/khác (đề nghị bình luận) 																																					
Cho điểm	a- 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																					
Diễn giải																																						
4c – Quyền sử dụng đất, tranh chấp và giải quyết tranh chấp tài nguyên đất/rừng																																						
4c.01 Cho biết mức độ phổ biến của từng loại hình tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện của người dân với các bên liên quan về quyền quản lý, sử dụng và hưởng lợi từ rừng và đất rừng tại địa phương theo bảng dưới đây. Trong đó, mức độ phổ biến phản ánh số lượng vụ việc so với khả năng tiếp nhận và giải quyết của cơ quan chuyên môn như Hạt Kiểm lâm.																																						
	<ul style="list-style-type: none"> a. Không có b. Mức độ phổ biến ít c. Mức độ phổ biến trung bình d. Mức độ phổ biến nhiều e. Không có câu trả lời phù hợp/khác 																																					
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #cccccc;">Các loại tranh chấp</th> <th style="background-color: #cccccc;">a</th> <th style="background-color: #cccccc;">b</th> <th style="background-color: #cccccc;">c</th> <th style="background-color: #cccccc;">d</th> <th style="background-color: #cccccc;">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4c.01.01. Tranh chấp ranh giới</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4c.01.02. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4c.01.03. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân/hộ gia đình hoặc cộng đồng</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4c.01.04. Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4c.01.05. Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </tbody> </table>		Các loại tranh chấp	a	b	c	d	e	4c.01.01. Tranh chấp ranh giới						4c.01.02. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác						4c.01.03. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân/hộ gia đình hoặc cộng đồng						4c.01.04. Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại						4c.01.05. Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng					
Các loại tranh chấp	a	b	c	d	e																																	
4c.01.01. Tranh chấp ranh giới																																						
4c.01.02. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác																																						
4c.01.03. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân/hộ gia đình hoặc cộng đồng																																						
4c.01.04. Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại																																						
4c.01.05. Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng																																						
Cho điểm																																						
Diễn giải																																						

4c.01.06. Đề nghị cho biết nguyên nhân chủ yếu của các tranh chấp phổ biến liên quan đến rừng và đất rừng tại địa phương là gì?	- na -																																				
Diễn giải																																					
4c.02 Cho biết khả năng giải quyết của chính quyền đối với các hình thức tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện của người dân về quản lý, sử dụng rừng và đất/rừng tại địa phương?																																					
<p>a. Dễ giải quyết b. Khó giải quyết c. Rất khó giải quyết d. Không thể giải quyết được e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p> <table border="1" data-bbox="289 705 1334 1108"> <thead> <tr> <th data-bbox="289 705 971 758">Các loại tranh chấp</th> <th data-bbox="971 705 1040 758">a</th> <th data-bbox="1040 705 1110 758">b</th> <th data-bbox="1110 705 1180 758">c</th> <th data-bbox="1180 705 1250 758">d</th> <th data-bbox="1250 705 1334 758">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="289 758 971 810">4c.02.01. Tranh chấp ranh giới</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="289 810 971 894">4c.02.02. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="289 894 971 978">4c.02.03. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân/hộ gia đình hoặc cộng đồng</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="289 978 971 1062">4c.02.04. Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="289 1062 971 1108">4c.02.05. Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </tbody> </table>		Các loại tranh chấp	a	b	c	d	e	4c.02.01. Tranh chấp ranh giới						4c.02.02. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác						4c.02.03. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân/hộ gia đình hoặc cộng đồng						4c.02.04. Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại						4c.02.05. Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng					
Các loại tranh chấp	a	b	c	d	e																																
4c.02.01. Tranh chấp ranh giới																																					
4c.02.02. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác																																					
4c.02.03. Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân/hộ gia đình hoặc cộng đồng																																					
4c.02.04. Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại																																					
4c.02.05. Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng																																					
Cho điểm																																					
Diễn giải																																					
4d. Sự tham gia của người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương trong QLBR																																					
<p>4d.01. Đề nghị cho biết mức độ tham gia của người dân và cộng đồng địa phương trong quá trình xây dựng và thực hiện các hoạt động lâm nghiệp và thực thi pháp luật QLBR tại địa phương theo thang điểm từ 0-5, trong đó: Điểm 0: người dân không được mời/không có cơ hội tham gia Điểm 1: người dân được tham gia họp, được thông tin Điểm 2: người dân được thông tin và yêu cầu tuân thủ thực hiện Điểm 3: người dân được tham vấn, hỏi ý kiến trong quá trình chuẩn bị Điểm 4: người dân được tham vấn và mời tham gia phối hợp thực hiện Điểm 5: người dân là một bên tham gia bàn luận, ra quyết định và trao quyền thực hiện</p>																																					

Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá chỉ số môi trường – xã hội cho REDD+ (RESI)

Các quá trình/hoạt động		0	1	2	3	4	5
4d.01.01. Lập kế hoạch QLBRV cấp xã							
4d.01.02. Giao đất – giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng							
4d.01.03. Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng							
4d.01.04. Thu hồi đất, do doanh nghiệp thuê rừng (chưa có)							
4d.01.05. Chi trả dịch vụ môi trường rừng chưa có)							
4d.01.06. Tuần tra bảo vệ rừng tại địa bàn							
4d.01.07. Giám sát thực thi pháp luật QLBRV							
4d.01.08. PCCR							
4d.01.09. Các dự án/hoạt động khác							
Cho điểm	Điểm 5 tương đương 100, Điểm 4 -3 tương đương 67, Điểm 2-1 tương đương 33 và Điểm 0 tương đương 0						
Diễn giải							
<p>4d.02. Đề nghị cho biết mức độ tham gia của chính quyền địa phương (UBND xã) trong quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp và thực thi pháp luật QLBRV tại địa phương theo thang điểm từ 0-5, trong đó:</p> <p>Điểm 0: UBND xã không được mời/không có cơ hội tham gia</p> <p>Điểm 1: UBND xã được tham gia họp, được thông tin</p> <p>Điểm 2: UBND xã được thông tin và yêu cầu tuân thủ thực hiện</p> <p>Điểm 3: UBND xã được tham vấn, hỏi ý kiến trong quá trình chuẩn bị</p> <p>Điểm 4: UBND xã được tham vấn và mời tham gia phối hợp thực hiện</p> <p>Điểm 5: UBND xã là một bên tham gia bàn luận, ra quyết định và trao quyền thực hiện</p>							
Các quá trình/hoạt động		0	1	2	3	4	5
4d.02.01. Lập kế hoạch QLBRV cấp xã							
4d.02.02. Giao đất – giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng							
4d.02.03. Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng							
4d.02.04. Thu hồi đất, do doanh nghiệp thuê rừng (chưa có)							
4d.02.05. Chi trả dịch vụ môi trường rừng chưa có)							
4d.02.06. Tuần tra bảo vệ rừng tại địa bàn							
4d.02.07. Giám sát thực thi pháp luật QLBRV							
4d.02.08. PCCR							
4d.02.09. Các dự án/hoạt động khác							

Cho điểm	Điểm 5 tương đương 100, Điểm 4 -3 tương đương 67, Điểm 2-1 tương đương 33 và Điểm 0 tương đương 0																																										
Diễn giải																																											
4e. Vai trò của giới và mức độ liên quan đến hoạt động lâm nghiệp																																											
4e.01 Tỉnh có chính sách hoặc quy định riêng cho phụ nữ tham gia trong các chính sách, chương trình, dự án lâm nghiệp thực hiện tại địa phương không																																											
	<ul style="list-style-type: none"> a. Có, đã xây dựng chính sách và quy định riêng cho phụ nữ tham gia trong các dự án, chính sách, chương trình lâm nghiệp thực hiện tại địa phương b. Có, đang xây dựng hoặc đã có kế hoạch xây dựng c. Không, chưa xây dựng nhưng có quan tâm d. Không, không xây dựng e. Không có câu trả lời phù hợp/khác 																																										
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																										
Diễn giải																																											
4e.02. Hội Phụ nữ tỉnh có vai trò và tham gia như thế nào trong các hoạt động lâm nghiệp tại địa phương																																											
	<ul style="list-style-type: none"> a. Có tham gia, mức độ thường xuyên b. Có tham gia, nhưng không thường xuyên c. Không tham gia, nhưng mong muốn có cơ hội tham gia d. Không tham gia, không quan tâm đến e. Không có câu trả lời phù hợp/khác <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="background-color: #cccccc;">Các hoạt động</th> <th style="background-color: #cccccc;">a</th> <th style="background-color: #cccccc;">b</th> <th style="background-color: #cccccc;">c</th> <th style="background-color: #cccccc;">d</th> <th style="background-color: #cccccc;">e</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4e.02.01. Lồng ghép hoạt động lâm nghiệp vào kế hoạch công tác năm</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4e.02.02. Tham gia thành viên BCD KHHĐ BVPTTR đến 2020 của tỉnh</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4e.02.03. Tham vấn/góp ý kiến cho Kế hoạch QLBR hàng năm của tỉnh</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4e.02.04. Tổ chức hội thảo về QLBR cho Hội phụ nữ các cấp</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4e.02.05. Tổ chức tập huấn về hoạt động lâm nghiệp cho phụ nữ</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>4e.02.06. Sử dụng vốn lâm nghiệp hỗ trợ phụ nữ nghèo, DTTS</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </tbody> </table>	Các hoạt động	a	b	c	d	e	4e.02.01. Lồng ghép hoạt động lâm nghiệp vào kế hoạch công tác năm						4e.02.02. Tham gia thành viên BCD KHHĐ BVPTTR đến 2020 của tỉnh						4e.02.03. Tham vấn/góp ý kiến cho Kế hoạch QLBR hàng năm của tỉnh						4e.02.04. Tổ chức hội thảo về QLBR cho Hội phụ nữ các cấp						4e.02.05. Tổ chức tập huấn về hoạt động lâm nghiệp cho phụ nữ						4e.02.06. Sử dụng vốn lâm nghiệp hỗ trợ phụ nữ nghèo, DTTS					
Các hoạt động	a	b	c	d	e																																						
4e.02.01. Lồng ghép hoạt động lâm nghiệp vào kế hoạch công tác năm																																											
4e.02.02. Tham gia thành viên BCD KHHĐ BVPTTR đến 2020 của tỉnh																																											
4e.02.03. Tham vấn/góp ý kiến cho Kế hoạch QLBR hàng năm của tỉnh																																											
4e.02.04. Tổ chức hội thảo về QLBR cho Hội phụ nữ các cấp																																											
4e.02.05. Tổ chức tập huấn về hoạt động lâm nghiệp cho phụ nữ																																											
4e.02.06. Sử dụng vốn lâm nghiệp hỗ trợ phụ nữ nghèo, DTTS																																											
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm																																										
Diễn giải																																											
4e.03. Vai trò của phụ nữ trực tiếp tham gia hoạt động lâm nghiệp và QLBR trong các cơ quan nhà nước tại địa phương																																											

<ul style="list-style-type: none"> Số lượng cán bộ nữ trong ngành lâm nghiệp của tỉnhngười Số lượng cán bộ nữ giữ vai trò lãnh đạo trong cơ quan lâm nghiệp người <p>Những công việc cán bộ nữ thường được giao thực hiện trong các cơ quan lâm nghiệp:.....</p>		
<p>4e.04. Vai trò của phụ nữ trong tiếp cận quyền sở hữu đất rừng/đứng tên trong sổ đỏ, khai thác củi, lâm sản phi gỗ,(xem kết quả khảo sát hộ gia đình)</p>		-
<p>4e.04.00. Ai là người đứng tên trong sổ đỏ các loại đất của hộ gia đình</p>		
<p>a. Tên cả hai người b. Một tên chồng/hoặc vợ c. Tên người khác d. Không có thông tin/không trả lời E. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p>		
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm	
Diễn giải		
<p>4e.04.04. Phụ nữ có được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm từ rừng không?</p>		
<p>a. Có b. Có, khai thác các lâm sản phụ c. Có những bị hạn chế rất nhiều d. Không được khai thác e. Không có câu trả lời phù hợp/khác</p>		
Cho điểm	a – 100, b – 67, c – 33, d – 0, e – không tính điểm	
Diễn giải		
<p>4e.05. Đánh giá tác động của các dự án và hoạt động lâm nghiệp tại địa phương đối với sự phát triển của phụ nữ nông thôn, miền núi</p>		- na -
<p>Diễn giải</p>		
<p>4e.06. Thảo luận về các cơ hội và kiến nghị nhằm tăng cường vai trò của phụ nữ trong các hoạt động lâm nghiệp tại địa phương</p>		- na -